

Số: 235/2019/QĐST-HNGĐ

M, ngày 15 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 303/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm: 1959
- Bị đơn: Bà **Trần Thị Bích L**, sinh năm: 1960

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại : Tổ x, khu x, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh ; Đều có chỗ ở: Số xx, đường Ng, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 và khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Bích L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Bích L thuận tình ly hôn.

Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông T và bà L nên Giấy chứng nhận kết hôn số 29 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 18/3/1983 không còn giá trị pháp lý

- **Về con chung:** Ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Bích L có 02 con chung là Phạm Tuyết Ch, sinh ngày 04/7/1983 và Phạm Thu H, sinh ngày 15/6/1990. Các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về khoản nợ chung:** Không có.

- Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000062 ngày 14/10/2019, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Trả lại ông Phạm Văn T số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP. M;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. M;
- UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn; Hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Phương